TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **356**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 12 - 2025.
V/v Tranh chấp xin ly hôn
và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – AN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đoạt

2. Bà Phạm Hồng Gái

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Vui - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – An Giang tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – An Giang không tham gia.

Ngày 24 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 134/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thủy T, sinh năm: 1992 *(có mặt).*

Địa chỉ: ấp H, xã A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh Ngô Văn C, sinh năm: 1987 *(có mặt).*

Địa chỉ: ấp T, xã M, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Chị Lê Thị Thủy T trình bày:

Chị với anh Ngô Văn C quen biết, thương yêu và được gia đình hai bên chấp nhận và được Ủy ban nhân dân xã A, tỉnh An Giang số cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/12/2011.

Quá trình chung sống anh với chị có con chung tên: Ngô Thị Thảo N, sinh năm: 12/8/2012 và bà Ngô Thị Kim N1, sinh năm: 05/7/2020.

Thời gian đầu chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian sau này do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cự cải, không thể sống chung nên vợ chồng ly thân. Tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về hôn nhân: Chị xin ly hôn với anh Ngô Văn C.

- Về con chung: Chị với anh C có con chung Ngô Thị Thảo N, sinh năm: 12/8/2012 và bà Ngô Thị Kim N1, sinh năm: 05/7/2020.

Ly hôn chị yêu cầu được nuôi hai con chung Ngô Thị Thảo N, sinh năm: 12/8/2012 và bà Ngô Thị Kim N1, sinh năm: 05/7/2020, chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Anh Ngô Văn C có ý kiến:

Anh thống nhất với trình bày của chị Lê Thị Thủy T về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý.

- Về con chung: Trường hợp theo quy định pháp Tòa án buộc giải quyết ly hôn thì anh đồng ý giao con chung cho chị Ngô Thị Thảo N, sinh năm: 12/8/2012 và Ngô Thị Kim N1, sinh năm: 05/7/2020 cho chị Lê Thị Thủy T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Tuy nhiên, anh yêu cầu được thăm nom con chung, nếu chị T không cho thì anh yêu cầu thay đổi quyền nuôi con chung.

- Về tài sản, nợ chung: Vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Chị T giữ nguyên ý kiến xin ly hôn, con chung và chia tài sản chung với anh Ngô Văn C.

- Anh Ngô Văn C có ý kiến: Anh đồng ý ly hôn và đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng nhưng anh yêu cầu được thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Về cấp dưỡng nuôi con chung thì anh không cấp dưỡng, anh có bao nhiêu thì anh sẽ cho con tùy theo điều kiện kinh tế của anh. Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T thì quan hệ pháp luật được xác định là: *"Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do bị đơn anh C có địa chỉ cư trú tại xã M, tỉnh An Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang.

[2]. *Về nội dung vụ án*: Hôn nhân giữa chị T và anh C tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn và được Ủy ban nhân dân H cấp giấy chứng nhận kết hôn số 152/KH-HBT số 01/2011 nên căn cứ vào các điều 9, 11, 12, 13, 14, 15 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Thủy T và anh Ngô Văn C là hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của chị T cho rằng, chị không còn tình cảm, không yêu thương, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên đã ly thân với nhau; mặc dù, anh chị đã được gia đình hai bên hàn gắn nhưng không được. Trong khi đó, anh C cũng thừa nhận trong hôn nhân vợ chồng cũng có mâu thuẫn và hiện nay anh chị đã ly thân nhưng chị vẫn thương chồng, thương con nên không muốn ly hôn.

Tại phiên tòa, anh C cũng đồng ý yêu cầu ly hôn của chị T nên yêu cầu xin ly hôn của chị T có cơ sở để HĐXX xem xét, chấp nhận.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Tại phiên tòa sơ thẩm, anh C tự nguyện giao con chung tên Ngô Thị Thảo N, sinh năm: 12/8/2012 và Ngô Thị Kim N1, sinh năm: 05/7/2020 cho chị Lê Thị Thủy T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh C không cấp dưỡng nuôi con chung và chị T không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Các đương sự phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 9, 11, 12, 13, 14, 15 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử**:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Thủy T được ly hôn với anh Ngô Văn C.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Ngô Văn C giao con chung tên Ngô Thị Thảo N, sinh năm: 12/8/2012 và Ngô Thị Kim N1, sinh năm: 05/7/2020 cho chị Lê Thị Thủy T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Ngô Văn C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản anh C thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh C và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Thủy T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004028 ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

6. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7,

Điều 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND cùng cấp;
- Phòng THADS khu vực 4-An Giang
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tú Quỳnh